TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-ST
Ngày: 07-7-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến;

2. Ông Hồ Xuân Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 40/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 957/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Thế T, sinh năm: 1982 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 142 T1, khu vực C, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn:

1. Chị Lưu Thị Thanh D, sinh năm: 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 291/43 T2, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Anh Nguyễn Công N, sinh năm: 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 291/43 T2, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đỗ Thị Lệ H, sinh năm: 1983 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 142 T1, khu vực C, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn anh Phạm Thế T trình bày:

Anh là chồng của Đỗ Thị Lệ Hằng. Chị Lưu Thị Thanh D và anh Nguyễn Công N đã tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn hay không thì anh không biết. Tại thời điểm anh cho anh N vay tiền thì anh N xác định địa chỉ của anh N ở thôn Nhơn Thiện, xã Nhơn Hạnh, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo anh được biết, anh N và chị D hiện nay đang ở tại địa chỉ số 291/43 T2, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Vào ngày 16/02/2022, anh cho anh Nguyễn Công N vay 350.000.000 đồng. Khi vay, anh N có viết "Giấy mượn tiền". Các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận khi nào anh đòi thì vợ chồng anh N trả.

Vào ngày 13/4/2022 âm lịch (ngày 13/5/2022 dương lịch) anh cho chị Lưu Thị Thanh D vay 100.000.000 đồng. Khi vay chị D có viết "Đơn mượn tiền". Các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận khi nào anh cần thì chị D sẽ trả. Sau khi anh cho anh N và chị D vay tiền thì anh đã nhiều lần đòi tiền nhưng anh N và chị D không trả. Số tiền anh cho anh N và chị D vay là tài sản chung của vợ chồng anh.

Tại Đơn khởi kiện ngày 08/5/2023, anh yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với vợ chồng chị Lưu Thị Thanh D và anh Nguyễn Công N, buộc vợ chồng chị D và anh N phải liên đới trả cho vợ chồng anh tổng số tiền vay gốc còn nợ là 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi của các hợp đồng vay theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/6/2023 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 15/6/2023 anh xác định lại yêu cầu khởi kiện của anh là yêu cầu chị Lưu Thị Thanh D phải trả cho vợ chồng anh 100.000.000 đồng tiền vay gốc theo "Đơn mượn tiền" ngày 13/4/2022 (âm lịch). Anh yêu cầu anh Nguyễn Công N phải trả cho vợ chồng anh 350.000.000 đồng tiền vay gốc theo "Giấy mượn tiền" ngày 16/02/2022. Đồng thời, anh yêu cầu chị D, anh N phải trả tiền lãi của các hợp đồng vay theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Lưu Thị Thanh D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Công N đã tổ chức lễ cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn.

Trước đây chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do chị có con nhỏ nên không đến Tòa án để trình bày lời khai và giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tại phiên tòa, chị xác định không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào.

Chị thừa nhận chị trực tiếp viết và ký tên vào "Đơn mượn tiền" ngày 13/4/2022 (âm lịch) nhưng chị không thừa nhận có nợ anh T 100.000.000 đồng. Chị cho rằng số tiền vay 100.000.000 đồng do chị vay trước thời điểm anh N vay 350.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" ngày 16/02/2022 nhưng vì tin tưởng nên chị không thu hồi giấy nợ gốc. Chị thừa nhận có nợ và đồng ý cùng anh N liên đới trả cho vợ chồng anh T số tiền vay gốc 350.000.000 đồng, không chấp nhận trả 100.000.000 đồng theo "Đơn mượn tiền" ngày 13/4/2022 (âm lịch).

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Công N trình bày:

Anh và chị Lưu Thị Thanh D đã tổ chức lễ cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn. Trước đây anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do anh làm nghề lái xe, thường xuyên bận công việc nên không đến Tòa án để trình bày lời khai và giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tại phiên tòa, anh xác định không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào.

Trước đây, có nhiều lần vay tiền của anh T. Quá trình thực hiện các hợp đồng vay, anh đã trả tiền gốc và lãi cho anh T. Sau nhiều lần vay tiền, ngày 16/02/2022 anh viết và ký tên vào "Giấy mượn tiền" để chốt số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng. Anh thừa nhận đã ký tên vào "Giấy mượn tiền" ngày 16/02/2022. Anh đồng ý trả số tiền này nhưng xin trả dần.

Theo các lời khai tại hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Lệ H trình bày:

Chị là vợ của anh Phạm Thế T. Chị thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Chị không có ý kiến hoặc yêu cầu nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Lưu Thị Thanh D phải trả cho vợ chồng anh Phạm Thế T 100.000.000 đồng theo "Đơn mượn tiền" ngày 13/4/2022 (âm lịch). Buộc anh Nguyễn Công N phải trả cho vợ chồng anh Phạm Thế T 350.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" ngày 16/02/2022. Buộc chị D và anh N phải trả lãi theo quy định của pháp luật. Về án phí, buộc chị D, anh N phải chịu

theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Thế T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Lưu Thị Thanh D và anh Nguyễn Công N có địa chỉ tại số 291/43 T2, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

[2] Nguyên đơn anh Phạm Thế T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Lệ H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị H.

[3] Bị đơn chị Lưu Thị Thanh D và anh Nguyễn Công N thừa nhận đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[4] Theo nội dung "Giấy mượn tiền" ngày 16/02/2022, anh Nguyễn Công N ghi địa chỉ tại thôn Nhơn Thiện, xã Nhơn Hạnh, thị xã A, tỉnh Bình Định. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N trực tiếp ký nhận vào Biên bản tống đạt ngày 12/6/2023 tại địa chỉ số 291/43 T2, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định địa chỉ của anh N tại số 291/43 T2, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

[5] Tại phiên tòa, chị Lưu Thị Thanh D thừa nhận có viết và ký tên vào "Đơn mượn tiền" ngày 13/4/2022 (âm lịch). Tuy nhiên, chị cho rằng chị vay trước thời điểm anh N vay 350.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" ngày 16/02/2022, vì tin tưởng nhau nên chị không thu hồi giấy nợ gốc. Tại phiên tòa, chị không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Xét thấy thời điểm chị D viết "Đơn mượn tiền" sau thời điểm anh N viết "Giấy mượn tiền" nên lời trình bày của chị D là mâu thuẫn. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, lời trình bày của chị D là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định chị D còn nợ anh T 100.000.000 đồng tiền vay gốc.

[6] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Công N thừa nhận còn nợ anh Phạm Thế T 350.000.000 đồng tiền vay gốc. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hiện nay anh N còn nợ anh T số tiền vay gốc là 350.000.000 đồng.

[7] Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự, anh T có quyền yêu cầu anh N và chị D phải trả số tiền vay gốc còn nợ. Chị D không đồng ý trả cho anh T số tiền vay gốc và tiền lãi của khoản vay 100.000.000 đồng là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Anh N thừa nhận còn nợ anh T 350.000.000 đồng tiền vay gốc nhưng xin trả dần. Xét thấy yêu cầu của anh N không phù hợp với khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, anh T có quyền yêu cầu anh N và chị D phải trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 (tức 10%/năm) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[10] Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị D phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh N phải chịu 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của anh T được Tòa án chấp nhận.

[11] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Thế T.

2. Buộc chị Lưu Thị Thanh D phải trả cho vợ chồng anh Phạm Thế T, chị Đỗ Thị Lệ H số tiền vay gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Buộc anh Nguyễn Công N phải trả cho vợ chồng anh Phạm Thế T, chị Đỗ Thị Lệ H số tiền vay gốc 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lưu Thị Thanh D chậm trả tiền gốc thì phải trả tiền lãi trên nợ gốc chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Công N chậm trả tiền gốc thì phải trả tiền lãi trên nợ gốc chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Về án phí: Buộc chị Lưu Thị Thanh D phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc anh Nguyễn Công N phải chịu 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Phạm Thế T 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001761 ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh